

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 416/QĐ-CĐKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Kinh doanh thương mại, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Kinh doanh thương mại**

Mã ngành: **6340101**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **87 tín chỉ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 – 2022.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo quyết định số 44/QĐ-CDKT ngày 15. tháng 1 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)*

Tên ngành, nghề:	Kinh doanh thương mại
Mã ngành, nghề:	6340101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Kinh doanh thương mại** tại Trường Cao đẳng Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phù hợp với công việc, có khả năng tự học tập, khả năng làm việc và thăng tiến cũng như khả năng hội nhập cao khi tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, trang bị kỹ năng và giúp người học hình thành các năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm cần thiết nhằm:

1.2.1 Kiến thức

Có kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại và phân tích tình hình hoạt động kinh doanh tại các tổ chức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, quản trị học, pháp luật kinh doanh thương mại, marketing căn bản;
- Trình bày được các kiến thức chuyên môn về quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị bán lẻ, quản trị chất lượng;
- Trình bày được các kiến thức chuyên môn về marketing thương mại, kinh tế thương mại, thanh toán quốc tế, quản trị kinh doanh quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, hành vi khách hàng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đàm phán thương mại;

- Xác định được quy trình và nội dung làm việc tại doanh nghiệp;
- Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động kinh doanh thương mại;
- Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ và công cụ tin học để ứng dụng trong hoạt động kinh doanh thương mại.

1.2.2 Kỹ năng

Hình thành được kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm những kỹ năng liên quan đến việc thu thập thông tin, tư duy phân biện, giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng tổng hợp, phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả trong hoạt động kinh doanh thương mại:

- Thực hiện được các nghiệp vụ thương mại như: mua bán hàng hóa, lưu kho hàng hóa, đảm bảo chất lượng hàng hoá, đóng gói và bao bì hàng hoá;
- Thực hiện được các nghiệp vụ liên quan hợp đồng mua bán hàng hoá, thanh toán quốc tế;
- Xác định được quyền liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản của doanh nghiệp;
- Sử dụng được các công cụ Marketing vào trong hoạt động của doanh nghiệp;
- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Có kỹ năng rèn luyện thể chất để tăng hiệu suất làm việc và nâng cao khả năng chịu áp lực trong công việc;
- Có khả năng sử dụng kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.2.3 Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế:

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại đơn vị;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;
- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;
- Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;
- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;
- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0;

- Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra ngành **Kinh doanh thương mại** Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu làm việc tại các bộ phận, phòng ban tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại (tập đoàn đa quốc gia; doanh nghiệp liên doanh; tổ chức tài chính; doanh nghiệp Việt Nam có hình thức kinh doanh, sản xuất hay cung cấp dịch vụ đến khách hàng trong và ngoài nước,...).

Người học có thể đảm nhận các vị trí việc làm như: bán hàng, Marketing, xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, chăm sóc khách hàng, giám sát thị trường,... Ngoài ra, người học cũng có thể khởi nghiệp kinh doanh.

Về cơ hội phát triển nghề nghiệp, với kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong chương trình cũng như quá trình tự phấn đấu, người học có cơ hội thăng tiến, phát triển tại các vị trí cao hơn, cũng như có thể học lên ở các trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 39
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 87 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1650 giờ
- Khối lượng học tập:
 - + Lý thuyết: 640 giờ;
 - + Thực hành, kiểm tra: 1445 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung đại cương	20 (11,9)	435	175	239	21
MH01	Giáo dục Chính trị	4 (3,1)	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2 (2,0)	30	18	10	2
MH03	Tin học	3 (1,2)	75	15	58	2
MH04	Ngoại ngữ (1) (Chọn 1 trong 3 môn):	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.1	Tiếng Anh (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.2	Tiếng Trung (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH04.3	Tiếng Hàn (1)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05	Ngoại ngữ (2) (Chọn 1 trong 3 môn):	3 (2,1)	60	30	28	2

MH05.1	Tiếng Anh (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.2	Tiếng Trung (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH05.3	Tiếng Hàn (2)	3 (2,1)	60	30	28	2
MH06	Giáo dục thể chất 1 (*)	1 (0,1)	30	3	25	2
MH07	Giáo dục thể chất 2 (*)	1 (0,1)	30	2	26	2
MH08	Giáo dục Quốc phòng và an ninh (*)	3 (1,2)	75	36	35	4
II	Môn học giáo dục nghề nghiệp	67 (31,36)	1650	465	1127	58
	Môn học cơ sở ngành	18 (10,8)	390	150	224	16
MH09	Toán kinh tế	3 (2,1)	60	30	28	2
MH10	Kinh tế vi mô	2 (1,1)	45	15	28	2
MH11	Marketing căn bản	2 (1,1)	45	15	28	2
MH12	Quản trị học	2 (1,1)	45	15	28	2
MH13	Nguyên lý kế toán	2 (1,1)	45	15	28	2
MH14	Nguyên lý thống kê	2 (1,1)	45	15	28	2
MH15	Pháp luật kinh doanh thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH16	Ngoại ngữ chuyên ngành Kinh doanh thương mại (Chọn 1 trong 3 môn):	3 (2,1)	60	30	28	2
MH16.1	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
MH16.2	Tiếng Trung thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
MH16.3	Tiếng Hàn thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
	Môn học bắt buộc chuyên ngành	35 (14,21)	945	210	707	28
MH17	Marketing thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH18	Logistics và chuỗi cung ứng cơ bản	2 (1,1)	45	15	28	2
MH19	Thương mại điện tử	2 (1,1)	45	15	28	2
MH20	Thanh toán quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH21	Hành vi khách hàng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH22	Quản trị kinh doanh quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH23	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	2 (1,1)	45	15	28	2
MH24	Quản trị chiến lược	2 (1,1)	45	15	28	2

MH25	Đàm phán thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH26	Quản trị tài chính	2 (1,1)	45	15	28	2
MH27	Nghiệp vụ Kinh doanh thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH28	Thực tập nghiệp vụ Kinh doanh thương mại	3 (0,3)	135	0	135	0
MH29	Kinh tế thương mại	2 (1,1)	45	15	28	2
MH30	Quản trị bán lẻ	2 (1,1)	45	15	28	2
MH31	Đầu tư quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH32	Thực tập cuối khóa	4 (0,4)	180	0	180	0
	Môn học tự chọn chuyên ngành	14 (7,7)	315	105	196	14
	Nhóm môn tự chọn 1 (Chọn 1 trong 5 môn học sau):	2 (1,1)	45	15	28	2
MH33	Tâm lý học quản lý	2 (1,1)	45	15	28	2
MH34	Tư duy thiết kế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH35	Tư duy phản biện	2 (1,1)	45	15	28	2
MH36	Soạn thảo văn bản	2 (1,1)	45	15	28	2
MH37	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 2 (Chọn 1 trong 3 môn học sau):	2 (1,1)	45	15	28	2
MH38	Marketing kỹ thuật số	2 (1,1)	45	15	28	2
MH39	Quan hệ kinh tế quốc tế	2 (1,1)	45	15	28	2
MH40	Hành vi tổ chức	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 3 (Chọn 1 trong 4 môn học sau):	2 (1,1)	45	15	28	2
MH41	Thị trường chứng khoán	2 (1,1)	45	15	28	2
MH42	Quản trị dự án	2 (1,1)	45	15	28	2
MH43	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2 (1,1)	45	15	28	2
MH44	Quản trị nguồn nhân lực	2 (1,1)	45	15	28	2
	Nhóm môn tự chọn 4 (Chọn 4 trong 11 môn học sau):	8 (4,4)	180	60	112	8
MH45	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH46	Quản trị thương hiệu	2 (1,1)	45	15	28	2
MH47	Quản trị sự thay đổi	2 (1,1)	45	15	28	2

MH48	Quản trị rủi ro	2 (1,1)	45	15	28	2
MH49	Quản trị chất lượng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH50	Quản trị hành chính văn phòng	2 (1,1)	45	15	28	2
MH51	Nghệ thuật lãnh đạo	2 (1,1)	45	15	28	2
MH52	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH53	Phân tích hoạt động kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH54	Khởi sự kinh doanh	2 (1,1)	45	15	28	2
MH55	Thuế	2 (1,1)	45	15	28	2
Tổng cộng		87 (42,45)	2085	640	1366	79

* Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm)

* Bảng ma trận môn học trước (đính kèm)

* Bảng ma trận chuẩn đầu ra (đính kèm)

* Bảng quy đổi môn học thay thế (đính kèm)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Tổ chức giảng dạy các môn học

– Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

– Một tiết học trong nhà trường được tổ chức giảng dạy trong 45 phút; môn học có thời lượng ≤ 45 giờ thì có tối thiểu 03 giờ ôn tập và môn học có thời lượng > 45 giờ thì có tối thiểu 06 giờ ôn tập.

– *Môn học Giáo dục thể chất (1) và Giáo dục thể chất (2)* được bố trí giảng dạy trong học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm đầu tiên khóa học.

– *Môn học Giáo dục quốc phòng an ninh* sẽ được bố trí vào thời điểm thích hợp theo thỏa thuận của nhà trường và đơn vị có chức năng đào tạo.

– *Môn học Thực tập Nghiệp vụ kinh doanh thương mại* bao gồm 5 nội dung:

- + Thực tập nghiệp vụ mua hàng
- + Thực tập nghiệp vụ bán hàng
- + Thực tập nghiệp vụ lưu kho
- + Thực tập nghiệp vụ quản lý chất lượng hàng hóa
- + Thực tập nghiệp vụ marketing thương mại

– *Môn học Thực tập cuối khóa* bao gồm:

- + Thực tập doanh nghiệp
- + Viết báo cáo

- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 1**, người học chọn 1 trong 5 môn học sau:
 - + Tâm lý học quản lý
 - + Tư duy thiết kế
 - + Tư duy phản biện
 - + Soạn thảo văn bản
 - + Địa lý kinh tế - xã hội thế giới
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 2**, người học chọn 1 trong 3 môn học sau:
 - + Marketing kỹ thuật số
 - + Quan hệ kinh tế quốc tế
 - + Hành vi tổ chức
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 3**, người học chọn 1 trong 4 môn học sau:
 - + Thị trường chứng khoán
 - + Quản trị dự án
 - + Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp
 - + Quản trị nguồn nhân lực
- Đối với **Môn học tự chọn thuộc nhóm 4**, người học chọn 4 trong 11 môn học sau:
 - + Phương pháp nghiên cứu kinh doanh
 - + Quản trị thương hiệu
 - + Quản trị sự thay đổi
 - + Quản trị rủi ro
 - + Quản trị chất lượng
 - + Quản trị hành chính văn phòng
 - + Nghệ thuật lãnh đạo
 - + Tin học ứng dụng trong kinh doanh
 - + Phân tích hoạt động kinh doanh
 - + Khởi sự kinh doanh
 - + Thuế
- Nội dung thực hành trong các môn học có thể được tổ chức bằng các hình thức phù hợp.
- Đối với môn học ngoại ngữ, người học sẽ phải lựa chọn 1 trong những ngoại ngữ sau: Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung hoặc Tiếng Hàn.
- Một số kỹ năng mềm được trang bị khi tham gia chương trình học ngoại khóa gồm:
 - + Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong trường và xã hội
 - + Kỹ năng làm việc nhóm



- + Kỹ năng thuyết trình, trình bày
- + Kỹ năng phỏng vấn, tìm việc làm
- + Kỹ năng khởi nghiệp
- + ...

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức sau khi kết thúc buổi học cuối cùng tối thiểu là 1 tuần sau khi người học đã được xét điều kiện dự thi theo quy định.
- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức trong buổi học cuối cùng, giảng viên có trách nhiệm công bố kết quả xét điều kiện dự thi cho người học trước tuần cuối cùng một tuần.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Người học được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau:
 - + Được công nhận là người học hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
 - + Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình đào tạo quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo;
 - + Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường;
 - + Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh và Giáo dục thể chất;
 - + Tại thời điểm xét điểm tốt nghiệp, người học không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy số tín chỉ và chuẩn đầu ra đã đạt của người học để xét công nhận tốt nghiệp, ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Trần Văn Tú

Hồ Nguyễn Cúc Phương

Nguyễn Thị Trúc Phương

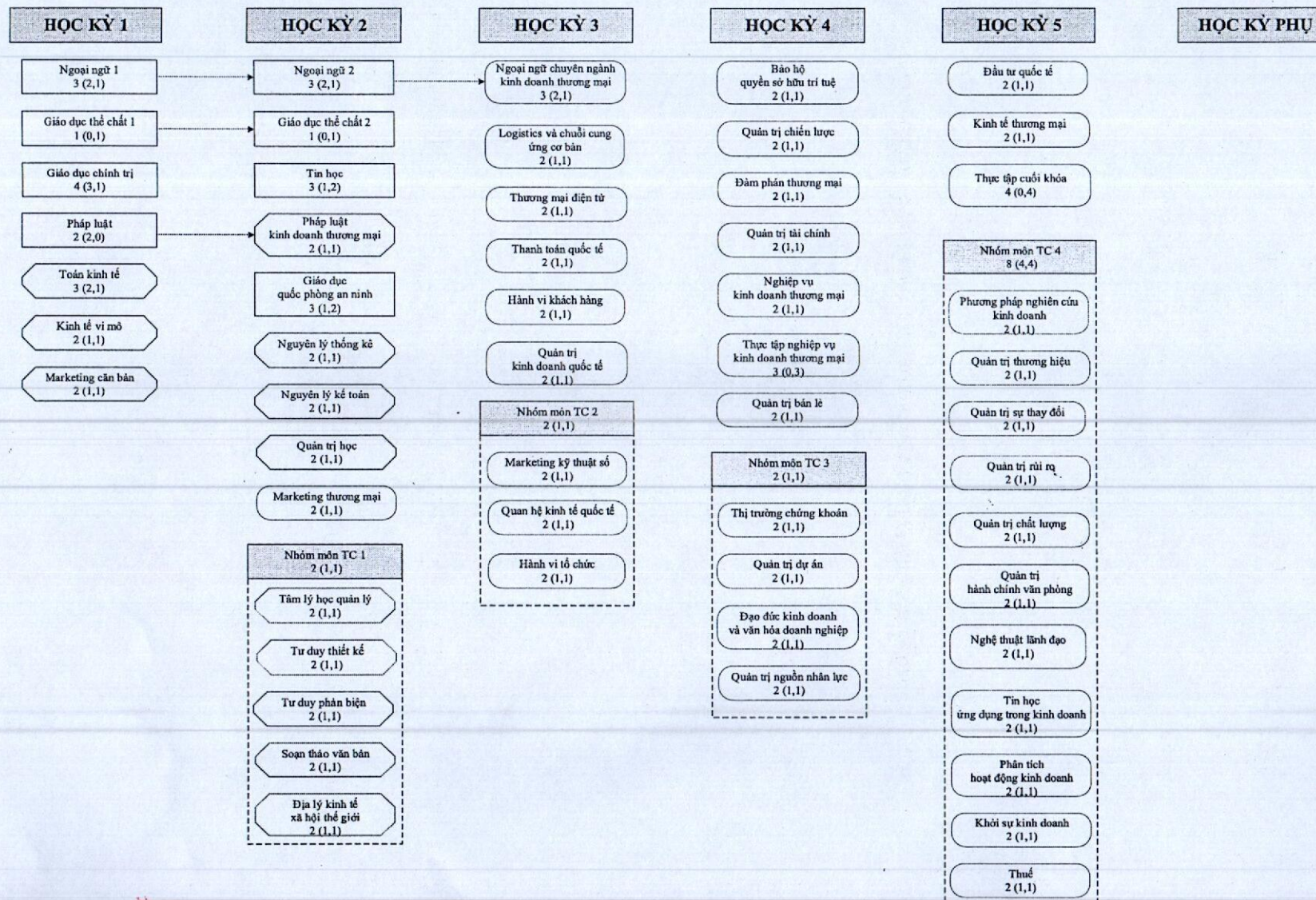
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 4.16./QĐ-CDKT ngày 15. tháng 9... năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Tên ngành: Kinh doanh thương mại

Mã Ngành: 6340101

Trình độ: Cao đẳng



PHÒNG HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

2/10/2021

BẢNG MA TRẬN MÔN HỌC TRƯỚC

(Kèm theo quyết định số ~~416~~ /QĐ-CDKT ngày ~~15~~ tháng ~~9~~ năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 1	Unit 1: People Unit 2: Possessions Unit 3: Places Unit 4: Free Time Unit 5: Food Unit 6: Past lives	
2	Tiếng Trung 2	Tiếng Trung 1	Chương mở đầu: Giới thiệu khái lược về ngữ âm và chữ viết tiếng Phổ thông Trung Quốc Chương I: Chào hỏi Chương II: Hỏi thăm Chương III: Mua sắm, đổi tiền, nhu cầu	
3	Tiếng Hàn 2	Tiếng Hàn 1	Bài 1: Giới thiệu khái lược về bảng chữ viết tiếng Hàn Quốc Bài 2: Giới thiệu Bài 3 : Cuộc sống sinh hoạt ở trường Bài 4 : Nhà Bài 5 : Công việc một ngày Bài 6 : Cuối tuần Bài 7 : Gia đình	
4	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh thương mại	Tiếng Anh 2	Unit 7 : Journey Unit 8 : Appearance Unit 9 : Film and the Art Unit 10: Science Unit 11: Tourism Unit 12 : The Earth	

Stt	Tên môn học	Tên môn học trước	Các nội dung liên quan	Ghi chú
5	Tiếng Trung thương mại	Tiếng Trung 2	Chương I: Hỏi thăm trong cuộc sống Chương II: Hỏi thăm Chương III: Chúc mừng, khuyên bảo, sở thích	
6	Tiếng Hàn thương mại	Tiếng Hàn 2	Bài 1 – Mua sắm hàng hóa, đồ vật Bài 2 – Kế hoạch Bài 3 - Âm thực Bài 4 – Giao thông Bài 5 – Thời tiết Bài 6 – Điện thoại Bài 7 – Cuộc hẹn Bài 8 – Sở thích	
7	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 1	Chương 1: Giáo dục thể chất chung	
8	Pháp luật kinh doanh thương mại	Pháp luật	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	
9	Marketing thương mại	Marketing căn bản	Chương 1: Tổng quan về Marketing Chương 6: Chiến lược sản phẩm Chương 7: Chiến lược giá Chương 8: Chiến lược phân phối Chương 9: Chiến lược xúc tiến	
10	Thực tập nghiệp vụ Kinh doanh thương mại	Nghệ vụ Kinh doanh thương mại	Chương 1: Tổng quan về nghiệp vụ kinh doanh thương mại Chương 2: Nghiệp vụ mua hàng và lưu kho Chương 3: Hợp đồng mua bán hàng hoá Chương 4: Nghiệp vụ bao bì hàng hoá Chương 5: Nghiệp vụ bán hàng	

2phim

BẢNG MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

*(Kèm theo quyết định số 4.16/QĐ-CDKT ngày 15. tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Kiến thức

101. Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
102. Trình bày được kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, quản trị học, pháp luật kinh doanh thương mại, marketing căn bản;
103. Trình bày được các kiến thức chuyên môn về quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị bán lẻ, quản trị chất lượng;
104. Trình bày được các kiến thức chuyên môn về marketing thương mại, kinh tế thương mại, thanh toán quốc tế, quản trị kinh doanh quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, hành vi khách hàng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đàm phán thương mại;
105. Xác định được quy trình và nội dung làm việc tại doanh nghiệp;
106. Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động kinh doanh thương mại;
107. Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ và công cụ tin học để ứng dụng trong hoạt động kinh doanh thương mại.

1.2. Kỹ năng

201. Thực hiện được các nghiệp vụ thương mại như: mua bán hàng hóa, lưu kho hàng hóa, đảm bảo chất lượng hàng hoá, đóng gói và bao bì hàng hoá;
202. Thực hiện được các nghiệp vụ liên quan hợp đồng mua bán hàng hoá, thanh toán quốc tế;
203. Xác định được quyền liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản của doanh nghiệp;
204. Sử dụng được các công cụ Marketing vào trong hoạt động của doanh nghiệp;
205. Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- 206. Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- 207. Có kỹ năng rèn luyện thể chất để tăng hiệu suất làm việc và nâng cao khả năng chịu áp lực trong công việc;
- 208. Có khả năng sử dụng kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- 301. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại đơn vị;
- 302. Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;
- 303. Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;
- 304. Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- 305. Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;
- 306. Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;
- 307. Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0;
- 308. Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bảng ma trận chuẩn đầu ra

Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	201	202	203	204	205	206	207	208	301	302	303	304	305	306	307	308
MH01	X															X							X
MH02	X															X	X						X
MH03		X						X															
MH04		X					X																
MH05		X					X	X															
MH06	X																						X
MH07	X																						
MH08	X															X						X	
MH09			X												X						X	X	X
MH10			X								X										X	X	X
MH11	X								X							X	X				X	X	X
MH12				X												X	X	X			X	X	X
MH13				X												X		X		X			
MH14			X							X								X					
MH15				X																			
MH16			X						X	X	X				X						X		

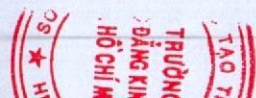
Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	201	202	203	204	205	206	207	208	301	302	303	304	305	306	307	308
MH17									X														
MH18		X	X						X	X					X								
MH19		X																	X				
MH20			X								X												
MH21					X							X				X							
MH22	X																				X	X	X
MH23											X	X		X									
MH24	X																						
MH25				X										X	X		X						
MH26									X									X	X				
MH27									X									X	X	X			
MH28				X									X	X									
MH29			X								X							X					
MH30					X							X							X				
MH32										X					X								
MH32			X								X								X				
MH33										X							X		X				

Mã môn học	101	102	103	104	105	106	107	201	202	203	204	205	206	207	208	301	302	303	304	305	306	307	308
MH34	X		X							X			X										
MH35		X						X													X		
MH36	X							X															
MH37		X						X			X												
MH38					X								X			X							
MH39	X												X			X			X				
MH40			X					X			X			X	X	X					X	X	X
MH41				X										X	X								
MH42	X											X	X			X		X					X
MH43												X	X						X				
MH44				X										X									
MH45			X							X	X			X									
MH46														X	X								
MH47				X					X					X	X		X						
MH48	X									X			X					X					
MH49				X							X								X				
MH50												X	X						X				

BẢNG QUY ĐỔI MÔN HỌC THAY THẾ

(Kèm theo quyết định số 416/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
1	MH01.1	13,14	Chính trị 1	3 (3,0)	Giáo dục chính trị	MH01	4 (3,1)	
2	MH01.2	13,14	Chính trị 2	2 (1,1)	Giáo dục chính trị	MH01	4 (3,1)	
3	MH02	13,14	Pháp luật đại cương	2 (1,1)	Pháp luật	MH02	2 (2,0)	
4	MH05	13,14	Tin học đại cương	3 (1,2)	Tin học	MH03	3 (1,2)	
5	MH06.1	13,14	Anh văn căn bản 1	4 (3,1)	Ngoại ngữ 1	MH04	3 (2,1)	
6	MH06.2	13,14	Anh văn căn bản 2	5 (3,2)	Ngoại ngữ 2	MH05	3 (2,1)	
7	MH06.1	15, 16	Ngoại ngữ 1	4 (3,1)	Ngoại ngữ 1	MH04	3 (2,1)	
8	MH06.2	15, 16	Ngoại ngữ 2	5 (3,2)	Ngoại ngữ 2	MH05	3 (2,1)	
9	MH18	13,14	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	3 (2,1)	Ngoại ngữ chuyên ngành Kinh doanh thương mại	MH16	3 (2,1)	
10	MH14	13,14	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2 (1,1)	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	MH43	2 (1,1)	
11	MH21	13,14	Logistics	2 (1,1)	Logistics và chuỗi cung ứng cơ bản	MH18	2 (1,1)	
12	MH19	13,14	Phân tích hoạt động kinh doanh	2 (1,1)	Hành vi tổ chức	MH40	2 (1,1)	



Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
			xuất nhập khẩu					
13	MH17	13,14	Pháp luật kinh doanh quốc tế	2 (1,1)	Pháp luật kinh doanh thương mại	MH15	2 (1,1)	
14	MH16	13,14	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2 (1,1)	Thương mại điện tử	MH19	2 (1,1)	
15	MH34.2	13,14	Khởi tạo doanh nghiệp	2 (1,1)	Khởi sự kinh doanh	MH54	2 (1,1)	
16	MH29	13,14	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu 1	3 (2,1)	Quản trị nguồn nhân lực	MH44	2 (1,1)	
17	MH30	13,14	Nghiệp vụ Kinh doanh xuất nhập khẩu 2	3 (2,1)	Quản trị chiến lược	MH24	2 (1,1)	
18	MH24	13,14	Quan hệ kinh tế quốc tế	3 (2,1)	Quản trị kinh doanh quốc tế	MH22	2 (1,1)	
19	MH27	13,14	Vận tải - Bảo hiểm ngoại thương	3 (2,1)	Marketing kỹ thuật số	MH38	2 (1,1)	
20	MH28	13,14	Thanh toán quốc tế	3 (2,1)	Thanh toán quốc tế	MH20	2 (1,1)	
21	MH20	13,14	Marketing quốc tế	3 (2,1)	Marketing thương mại	MH17	2 (1,1)	
22	MH26	13,14	Giao dịch thương mại quốc tế	2 (1,1)	Logistics và chuỗi cung ứng cơ bản	MH18	2 (1,1)	
23	MH35.1	13,14	Văn hóa doanh nghiệp	2 (1,1)	Đạo đức kinh doanh và	MH43	2 (1,1)	

Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
					văn hóa doanh nghiệp			
24	MH23	13,14	Kinh doanh quốc tế	3 (2,1)	Quản trị bán lẻ	MH30	2 (1,1)	
25	MH22	13,14	Tài chính quốc tế	3 (2,1)	Quản trị tài chính	MH26	2 (1,1)	
26	MH31	13,14	Thực tập tốt nghiệp	4 (0,4)	Thực tập cuối khóa	MH32	4 (0,4)	
27	MH32.1	13,14	Đầu tư quốc tế	3 (2,1)	Đầu tư quốc tế	MH31	2 (1,1)	
28	MH32.2	13,14	Kinh tế ngoại thương	2 (1,1)	Kinh tế thương mại	MH29	2 (1,1)	
29	MH17	15, 16	Nghiệp vụ Kinh doanh thương mại 1	2 (1,1)	Quản trị thương hiệu	MH46	2 (1,1)	
30	MH18	15, 16	Thực tập nghiệp vụ Kinh doanh thương mại 1	1 (0,1)	Khởi sự kinh doanh	MH54	2 (1,1)	
31	MH19	15,16	Nghiệp vụ Kinh doanh thương mại 2	2 (1,1)	Nghiệp vụ Kinh doanh thương mại	MH27	2 (1,1)	
32	MH20	15, 16	Thực tập nghiệp vụ Kinh doanh thương mại 2	1 (0,1)	Thực tập nghiệp vụ Kinh doanh thương mại	MH28	3 (0,3)	



Stt	Mã MH (cũ)	Khóa	Tên môn học (cũ)	TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	TC	Ghi chú
33	MH49	15, 16	Quản trị chuỗi cung ứng	3 (2,1)	Quản trị chuỗi cung ứng	MH23	2 (1,1)	Ngành Quản trị kinh doanh

